

Bản án số: 11/2024/HS-ST
Ngày 14-3-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Xuân Vinh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Ninh

Bà Lê Thị Mai Hương

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nghiệp - Thư ký Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 02/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2024 theo hình thức trực tuyến tại điểm cầu trung tâm là trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng và điểm cầu thành phần là Trại tạm giam Công an thành phố Hải Phòng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 3 năm 2024, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị S, sinh ngày 20 tháng 3 năm 1948 tại Hải Phòng; nơi ĐKTT: Tổ dân phố Đ, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nơi S sống: Tổ dân phố C, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 5/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Lương Thị L (đã chết); có chồng là Lê Văn T (đã chết) và có 03 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Tại Bản án số 05/2018/HS-ST ngày 18-5-2018 của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (đã được xóa án tích); bị tạm giữ ngày 18-10-2023, tạm giam ngày 20-10-2023; có mặt.

2. Lưu Công M, sinh ngày 11 tháng 02 năm 1974 tại Hải Phòng; nơi cư trú: Tổ dân phố số 1, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Công K (đã chết) và bà Nguyễn Thị G (đã chết); có vợ là Phạm Thị H (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 48/2016/HSPT ngày 18-5-2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xử miễn

trách nhiệm hình sự cho bị cáo đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; bị tạm giữ ngày 18-10-2023, tạm giam ngày 20-10-2023; có mặt.

- *Người chứng kiến*: Nguyễn Thị Kim Phượng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị S và Lưu Công M quen biết với nhau từ trước. M là người nghiện ma túy. Ngày 16-10-2023, M hỏi S xem có ai bán ma túy thì mua hộ M, nên sáng ngày 17-10-2023, S một mình đi xe ôm từ nhà trọ của S ở tổ dân phố Cầu Vòng, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn đến khu vực đường tàu Trần Nguyên Hãn, quận Lê Chân, Hải Phòng mua ma túy về bán cho M và cho những người nghiện khác để kiếm lời. Đến nơi, S gặp và mua của 01 người đàn ông không quen biết 01 cục ma túy đá, được gói trong 01 túi nilon, kích thước (04 x 07) cm và một ít vỏ túi nilon nhỏ với số tiền 1.500.000 đồng. Mua ma túy xong, S đi xe ôm về nhà trọ dùng dao lam, ống hút bằng nhựa có sẵn và các túi nilon chia một phần ma túy trên ra thành 17 túi, mỗi túi kích thước (1,5 x 02) cm, S dự định bán 200.000 đồng/túi; phần ma túy còn lại, S vẫn đựng trong túi nilon cũ, với mục đích nếu bán hết số ma túy đã chia, S lại tiếp tục chia phần ma túy này để bán. Tất cả số ma túy và dụng cụ dùng để chia ma túy nêu trên, S để tại giường ngủ trong nhà trọ của S. Khoảng 10 giờ ngày 18-10-2023, M điều khiển xe mô tô Biển kiểm soát 16N3- 9557 đến nhà trọ của S ở tổ dân phố Cầu Vòng, phường Hải Sơn, Đồ Sơn để mua ma túy, M mua của S 02 túi ma túy đá, mỗi túi kích thước (1,5 x 02) cm, với tổng số tiền 400.000 đồng, S vừa cho tiền vào túi quần phía trước bên phải đang mặc của S, còn M đang buộc ma túy vào vòng xe mô tô của M thì bị tổ công tác Công an quận Đồ Sơn kết hợp với Công an phường Hải Sơn bắt quả tang, đưa S, M cùng vật chứng về trụ sở Công an phường Hải Sơn lập biên bản.

Tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà trọ của S ở tổ dân phố Cầu Vòng, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, thu giữ tại giường ngủ của S 01 túi nilon, kích thước (04 x 07) cm, bên trong chứa tinh thể màu trắng (mẫu số 1); 15 túi nilon, mỗi túi kích thước (1,5 x 02) cm, bên trong chứa tinh thể màu trắng (mẫu số 2); 01 ống hút bằng nhựa; 01 dao lam và 01 chiếc cân điện tử đã qua sử dụng.

Tại bản Kết luận giám định số 822/KL-KTHS ngày 20-10-2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hải Phòng kết luận: “Tinh thể màu trắng của mẫu quả tang gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,39 gam, loại Methamphetamine; tinh thể màu trắng của mẫu số 1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 2,79 gam, loại Methamphetamine; tinh thể màu trắng của mẫu số 2 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 2,91 gam, loại Methamphetamine”.

Bản Cáo trạng số 02/CT-VKSĐS ngày 19-01-2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng đã truy tố Nguyễn Thị S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự và truy tố Lưu Công M về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

- *Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ vào điểm i khoản 2 Điều 251, Điều 38, điểm o, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị S mức án tù 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù đến 09 (chín) năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lưu Công M mức án tù 18 (M tám) tháng tù đến 21 (hai mươi một) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì thư niêm phong chứa số ma túy còn lại sau giám định; 01 (một) bì thư niêm phong chứa 01 ống hút bằng nhựa, 01 dao lam, 01 chiếc cân điện tử đã qua sử dụng.

- Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng thu giữ của bị cáo S.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo S, buộc bị cáo M phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Tại phiên tòa, các bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn đã truy tố là đúng. Các bị cáo biết hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật, rất ăn năn hối hận và mong Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để có thể sớm trở về hòa nhập cộng đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Đồ Sơn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn truy tố đối với các bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị S và bị cáo Lưu Công M khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu giữ, bản kết luận giám định

và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa đã có đủ cơ sở xác định: Khoảng 10 giờ ngày 18-10-2023, tại trước cửa nhà trọ của Nguyễn Thị S ở tổ dân phố Cầu Vòng, phường Hải Sơn, quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, Lưu Công M đã có hành vi mua của Nguyễn Thị S 0,39 gam ma túy Methamphetamine để sử dụng cho bản thân. Nguyễn Thị S đã có hành vi bán 0,39 gam ma túy Methamphetamine cho bị cáo M và cất giấu 5,7 gam ma túy Methamphetamine cũng nhằm mục đích để bán kiếm lời (tổng khối lượng là 6,09 gam ma túy Methamphetamine) thì bị bắt quả tang. Các bị cáo là người có đầy đủ khả năng điều khiển hành vi và nhận thức được việc mua bán, cất giữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi của bị cáo S đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, hành vi của bị cáo M đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chế độ quản lý độc quyền của nhà nước về các chất ma túy. Tội phạm về ma túy là vấn nạn mà Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm đấu tranh, đẩy lùi tệ nạn này. Ma túy không những gây tác hại rất lớn tới xã hội, mà còn ảnh hưởng đến sức khỏe, gia đình của người sử dụng, là căn nguyên dẫn đến các tội phạm khác. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm và cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo các bị cáo, đồng thời có tác dụng giáo dục, phòng ngừa tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo S là người từ đủ 70 tuổi trở lên nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm o khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt: Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân các bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo S có hành vi bán trái phép 0,39 gam ma túy Methamphetamine cho bị cáo M và cất giấu 5,7 gam ma túy Methamphetamine cũng nhằm mục đích để bán kiếm lời (tổng khối lượng là 6,09 gam ma túy Methamphetamine), bị cáo phạm tội rất nghiêm trọng, nhân thân xấu, có 01 tiền án đã được xóa án tích nhưng vẫn vi phạm, thể hiện bị cáo là người không có ý thức sửa chữa sai lầm, coi thường pháp luật. Bị cáo M phạm tội nghiêm trọng, có hành vi tàng trữ trái phép 0,39 gam ma túy Methamphetamine; bản thân bị cáo M là đối tượng nghiện nhiều năm, đã từng bị Tòa án xét xử về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy; bị cáo nhận thức rõ về hậu quả của hành vi phạm tội nhưng vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn trên mức khởi điểm của khung hình phạt, buộc các bị cáo phải cách ly xã hội một thời gian mới đủ để cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 và khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự quy định “*người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, xét thấy các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[8] Về xử lý vật chứng: Methamphetamine là ma túy thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ, cấm lưu hành; 01 ống hút, 01 dao lam, 01 cân điện tử là công cụ, phương tiện để bị cáo S phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu tiêu hủy. Số tiền 400.000 đồng thu giữ của bị cáo S là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, cần tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[9] Đối với người đàn ông đã bán ma túy cho Nguyễn Thị S, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch, địa chỉ nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Đối với anh Lưu Công Nghĩa là người đã cho M mượn chiếc xe mô tô Honda Wave, biển kiểm soát 16N3-9557. Tuy nhiên, anh Nghĩa không biết M dùng xe để đi sử dụng ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý anh Nghĩa là có căn cứ.

[11] Về án phí: Bị cáo S được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm i khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm o, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị S; căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lưu Công M.

Tuyên bố:

+ Bị cáo Nguyễn Thị S phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

+ Bị cáo Lưu Công M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Thị S 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 18-10-2023.

+ Bị cáo Lưu Công M 18 (M tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 18-10-2023.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bì thư niêm phong chứa số ma túy còn lại sau giám định số 822MT/PC09; 01 (một) bì thư niêm phong chứa 01 ống hút bằng nhựa, 01 dao lam, 01 chiếc cân điện tử đã qua sử dụng.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23-01-2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng).

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 400.000 (bốn trăm nghìn) đồng thu giữ của Nguyễn Thị S (theo Ủy nhiệm chi ngày 22-01-2024 của Công an quận Đồ Sơn).

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo S; bị cáo M phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án:

Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Công an quận Đồ Sơn;
- Cơ quan THAHS Công an quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- Trại tạm giam Công an TP Hải Phòng;
- Sở Tư pháp TP Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Xuân Vinh